TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC THỦY** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DSST
"V/v kiện xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY – HÒA BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Bùi Hữu Thành
2. Bà: Hoàng Ngọc Mỹ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà - Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy tham gia phiên tòa: bà Trần Ngọc Diệp

Ngày 07 tháng 08 năm 2018. Tại Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 17/2018/ HNGD ngày 16 tháng 03 năm 2018 về việc kiện xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-DS ngày 16 tháng 7 năm 2018. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Bạch Thị M, sinh năm 1978. (Có mặt)

2. Bị Đơn: anh Bùi Văn L, sinh năm 1977. *(tên gọi khác: L1)*"Vắng mặt có lý do"

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn chị Bạch Thị M trình bày, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1998, chị Bạch Thị M và anh Bùi Văn L tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình cho đến nay mà không đăng ký kết hôn, nguyên nhân do sự hiểu biết về pháp luật còn hạn chế. Hai anh chị chung sống hòa thuận được khoảng 7 đến 8 năm , sau đó thì cuộc sống chung nảy

sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L hay rượu chè, ghen tuông vô cớ, về nhà chửi mắng và đánh đập chị M. Nay chị M không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Bạch Thị M và anh Bùi Văn L có hai con chung, con thứ nhất là Bùi Thị T, sinh năm 1998 đã trưởng thành; con thứ hai là Bùi Quốc V, sinh ngày 03/7/2007, hiện nay đang là học sinh. Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và chưa yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung..

Tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Công nợ chung: Trong quá trình chung sống, chị M và anh L không có công nợ chung.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Bùi Văn L xác nhận lời trình bày của chị M là đúng, tuy có nguyện vọng mong muốn vợ chồng đi đăng ký kết hôn, đoàn tụ chung sống nhưng chị M vẫn kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn, thì anh L cũng nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị M và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Cháu thứ nhất Bùi Thị T, sinh năm 1998 đã trưởng thành, anh L không đề nghị Toà án giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 29/6/2018 anh L nhất trí giao cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 03/7/2007 cho chị Bạch Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh L nhất trí để hai anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 15/5/2018 cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 03/7/2007 thể hiện quan điểm sau khi chị M và anh L ly hôn mong muốn được ở với mẹ là chị Bạch Thị M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, tuân thủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt quy định trong tố tụng dân sự. Bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hộiđồng xét xử tiếp tục làm việc theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bạch Thị M và anh Bùi Văn L.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Bùi Quốc V,ngày 03/7/2007 cho chị Bạch Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành hoặc có thay đổi khác.

Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: chị Bạch Thị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng: anh Bùi Văn L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục làm việc theo thủ tục chung.

2.Về quan hệ tranh chấp: Giữa chị Bạch Thị M và anh Bùi Văn L không có đăng ký kết hôn nhưng chung sống với nhau từ năm 1998 tại thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hòa Bình đến nay. Cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình đã thụ lý và xác định quan hệ tranh chấp là: ly hôn là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Xét thấy chị M và anh L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, cho đến nay cũng chưa đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung có giữa hai anh chị có nhiều mẫu thuẫn, chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh L. Qua quá trình hòa giải tại Tòa án, hai anh chị không thể đoàn tụ chung sống và đi đến đăng ký kết hôn mà hai bên nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho hai anh chị ly hôn. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu của chị M và căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 điều 53 luật Hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 không công nhận giữa chị Bạch Thị M và anh Bùi Văn L là vợ chồng.

Về con chung: chị M và anh L có hai con chung, cháu lớn là Bùi Thị T, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không đề cập; cháu bé là Bùi Quốc V, sinh ngày 03/7/ 2007, xét nguyện vọng của cháu V và tại biên bản hoà giải ngày 29/6/2018 các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận giao cháu V cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành hoặc có thay đổi khác, anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh L có ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của mình như trong lời khai và biên bản hòa giải ngày 29/6/2018. Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự là phù hợp với quy định của

pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu V, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung.

Về tài sản chung: Các bên đương sự thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về công nợ chung: không có

Về án phí: chị Bạch Thị M phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 228; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53; khoản 1, khoản 2 điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Bạch Thị M và anh Bùi Văn L

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 03/7/2007 cho chị Bạch Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Anh Bùi Văn L có quyền thăm nom con chung và chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không đề cập.

4. Về án phí: chị Bạch Thị M nộp 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ với số tiền đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số0005522 ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thuỷ, tỉnh Hoà Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn anh Bùi Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HB;*
- *VKSND huyện LT;*
- *THADS huyện LT;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Thị Hiền